TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2022.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2011/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bé N, sinh năm 1983 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh D, xã Minh T, huyện U Minh Thương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bé N và anh Nguyễn Văn L (gọi tắt là chị N, anh L) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/7/2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, không hợp, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Hơn nữa còn có tính ghen tuông vô cớ, từ đó anh L nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị N. Sự việc cũng được chính quyền địa phương và vợ chồng hàn gắn nhưng anh L không thay đổi, nên vợ chồng tự ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh L có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2007 (hiện 02 con đang sống với anh L). Vợ chồng ly hôn các con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, con theo chị là chị nuôi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xin vắng mặt ngày 05/12/2021 của bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị N là đúng, vợ chồng chung sống với nhau được hơn 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cãi, không hợp. Chị N yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2007 (Hiện 02 con đang sống với anh L). Vợ chồng ly hôn các con theo ai thì người đó nuôi, con theo anh L thì anh nuôi, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao chứng thực); sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn; 02 giấy khai sinh tên Nguyễn Trung H, Nguyễn Minh T và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N, anh L ngày 05/12/2021.

Bị đơn cung cấp: Đơn đề nghị xin vắng mặt đề ngày 05/12/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn L.

[2]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp. Tại phiên tòa chị N trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh L thường uống rượu, không chăm lo gia đình và có tính ghen tuông vô cớ. Sự việc cũng được chính quyền địa phương và vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, nên vợ chồng ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L cũng được chính quyền địa phương và UBND xã Minh Thuận xác nhận là đúng.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 05/12/2021 của anh L trình bày, về hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị N là đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị N được ly hôn với anh L.

[3]. **Về con chung:** Chị N, anh L có 02 người con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2007. Tại bản tự khai cùng ngày 03/12/2021 của cháu H, Tiến có nguyện vọng sống với cha là anh Nguyễn Văn L khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa chị N đồng ý để con chung Trung H, Minh T cho anh L tiếp tục nuôi con, nên HĐXX thống nhất giao con chung Nguyễn Trung H, Nguyễn Minh T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Chị N, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Không có.

[5]. **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003044 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Bé N với anh Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/5/2007 (hiện 02 con đang sống chung với anh L) cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Bé N có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị N, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Chị N, anh L xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003044 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Hoàng